

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2021

*Về việc Hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thiện

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đức  
Ông Nguyễn Thái Linh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*  
Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa Hôn nhân gia đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc “Hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 11/2021/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc H. Địa chỉ: phòng 101 Tòa nhà Haitzu A, 1 Kokuchau, 764 Phố kanai, Thành phố Shibukawa, tỉnh Gunma, Nhật Bản; (Vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Minh N. Địa chỉ: số nhà 12, ngõ 6, đường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh;

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, vụ án có nội dung:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc H và chị Hồ Thị Minh N tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 13/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến tháng 10 năm 2014 anh Trần Ngọc H đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nhận thấy, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên anh Trần Ngọc H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Hồ Thị Minh N.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên là Trần Nam K, sinh ngày 14/3/2014, hiện con đang ở cùng chị N. Anh H có nguyện vọng giao con cho mẹ là chị Hồ Thị Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh yêu cầu được xét xử vắng mặt và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị Quyên, địa chỉ: số 58, đường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Người được ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ bà Nguyễn Thị Quyên chấp nhận việc nhận ủy quyền của anh Trần Ngọc H.

Tòa án đã tiến hành làm việc với bị đơn là chị Hồ Thị Minh N nội dung thể hiện: Chị N đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cũng có nguyện vọng được ly hôn với anh H; Về con chung: Chị Hồ Thị Minh N trình bày có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trần Nam Khánh và yêu cầu Tòa án giải quyết việc trợ cấp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Ngọc H và chị Hồ Thị Minh N. Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng mỗi tháng 2.000.000đ từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Ngọc H hiện đang cư trú tại 764 phố Kanai, Thành phố Shibukawa, tỉnh Gunma, Nhật Bản, có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời do điều kiện công việc nên anh H yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị Quyên. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc H theo thủ tục chung.

## [2] Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Ngọc H và Chị Hồ Thị Minh N đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa hai bên ngày càng có sự khác biệt về suy nghĩ và lối sống. Từ tháng 10 năm 2014 anh H đi lao động tại Nhật bản thì tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Hiện cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn vì chị cho rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn mà chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Tuổi đời còn trẻ nên chị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu để chị có điều kiện sớm ổn định cuộc sống.

Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng cuộc hôn nhân giữa anh Trần Ngọc H và Chị Hồ Thị Minh N không đạt được mục đích đó.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật. Vợ chồng sống mỗi người một nơi không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Ngọc H và Chị Hồ Thị Minh N

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có con chung tên là Trần Nam Khánh, sinh ngày 14/3/2014, anh Trần Ngọc H và chị Hồ Thị Minh N đều thống nhất giao con chung cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật, mức thu nhập của anh H và điều kiện sống tối

thiếu để nuôi dưỡng cháu Trần Nam Khánh phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần trong điều kiện xã hội hiện nay. Buộc anh Trần Ngọc H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hồ Thị Minh N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Nam Khánh tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu, tòa án không xem xét

[3] Về án phí ly hôn: Buộc anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28, 37, 227, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Trần Ngọc H được ly hôn Chị Hồ Thị Minh N.

**2. Về con chung:** Xử giao con chung là Trần Nam K, sinh ngày 14/3/2014 cho chị Hồ Thị Minh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trần Nam Khánh trưởng thành hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con.

Buộc anh Trần Ngọc H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nam Khánh mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Nam Khánh tròn 18 tuổi. Anh Trần Ngọc H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

**3. Về tài sản chung và nợ:** Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

**4. Về án phí :** Áp dụng Điều 147, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 buộc anh Trần Ngọc H

phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai số 0000099 ngày 21/12/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh) và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Nam Hà;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Thiện**

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Hồng      Phạm Thành**

**Nguyễn Thị Bích Đào**